TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 26-7-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Trà

2. Ông Phạm Công Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tới – Thư ký Tòa án của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Tường Vy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Vũ Xuân T** - sinh năm: 1969.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đức H** – sinh năm: 1967.

Cùng địa chỉ ĐKHKTT: Số 37 L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 182A P, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2022 và bản tự khai ngày 05/4/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Xuân T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H kết hôn vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, đăng ký tại UBND phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Đà Nẵng theo giấy

chứng nhận số 01, quyển số I/94 ngày 12/01/1994. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông H nhiều lần ghen tuông chửi bới xúc phạm, coi thường và bạo hành bà T, bà T đã nghỉ việc để ở nhà chăm sóc con cái, lo cho gia đình. Đến tháng 6 năm 2020 bà T phát hiện ông H sống không chung thủy, vợ chồng đã nhiều lần trao đổi, bỏ qua những sai lầm của ông H để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng không có kết quả. Nay về tình cảm bà T xác nhận không còn tin và yêu thương ông H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đức H.

- Về quan hệ con chung: bà T xác định có 02 con chung là Nguyễn Nguyên Tiên N, sinh ngày: 15/3/1995 và Nguyễn Đức Huy H, sinh ngày: 03/5/2003. Do các con đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên con muốn sống chung với cha hoặc mẹ là tùy thuộc vào nguyện vọng của con, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà T xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức H đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa, tuy nhiên ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có ý kiến lưu tại hồ sơ vụ án.

Kết quả xác minh ngày 21/4/2022 tại tổ dân phố nơi bà T, ông H sinh sống xác định bà T, ông H có cư trú tại địa phương, quá trình chung sống tổ dân phố không biết về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Tại phiên tòa bị đơn – ông Nguyễn Đức H vắng mặt lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Xuân T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vắng mặt các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét vử vắng mặt đương sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Bà Nguyễn Vũ Xuân T xây dựng gia đình với ông Nguyễn Đức H vào năm 1994, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số I/94 ngày 12/01/1994. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn bà T, ông H sống chung tại 37 L, sau đó chuyển về sinh sống tại 182A P. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T khai nại là do ông H ghen tuông và sống không chung thủy dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Bà T đã nhiều lần bỏ qua để vợ chồng hàn gắn nhưng ông H vẫn không thay đổi, không sống chung thủy nên không tạo được niềm tin với bà T. Nay bà T xác định không còn yêu thương ông H nữa nên xin được ly hôn với ông H.

[3]Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà T, ông H lại không làm được điều này. Bản thân bà T sống trong cuộc hôn nhân không có niềm tin vào sự chung thủy của chồng, hôn nhân không thực sự hạnh phúc, ông H mặt dù đã nhận được các văn bản tống đạt của Tòa án nhưng vẫn không tuân thủ triệu tập của Tòa án, không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có ý thức bỏ mặc quan hệ hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn của bà T, ông H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận cho bà T được ly hôn ông H theo quy định tại điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà T xác định có 02 con chung là Nguyễn Nguyên Tiên N, sinh ngày: 15/3/1995 và Nguyễn Đức Huy H, sinh ngày: 03/5/2003. Do các con đều

đã trưởng thành và phát triển bình thường nên con muốn sống chung với cha hoặc mẹ là tùy thuộc vào nguyện vọng của con nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết, ông H không có ý kiến yêu cầu gì nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T xác định không có, ông H không có ý kiến yêu cầu gì nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7]Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[8] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Vũ Xuân T đối với ông Nguyễn Đức H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Vũ Xuân T được ly hôn với ông Nguyễn Đức H *(Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Vũ Xuân T đối với ông Nguyễn Đức H nên giấy chứng nhận kết hôn hôn số 01, quyển số I/94 do UBND phường Bình Thuận, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng cấp ngày 12/01/1994 không còn giá trị pháp lý)*

2. Về con chung: Không đề cập đến.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đồng bà Nguyễn Vũ Xuân T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng biên lai thu số 000796 ngày 05 tháng 4 năm 2022.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- UBND phường Bình Thuận, quận Hải Châu, ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Thị Mỹ Dung